

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Thanh Phong.

Ông Hứa Trọng Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lê Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 2000. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn Hoài H, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lâm Văn H1 H có tổ chức tiệc cưới vào năm 2018 và có đi đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 04 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn thì anh chị sống tại địa chỉ ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng anh chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, vào ngày 11-8-2020 giữa anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, nhưng không ai biết, hơn nữa anh H không quan tâm vợ con, chị đã cố hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả, nên chị với anh H đã không còn sống chung với nhau từ cuối tháng 08-2020 đến nay.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung là cháu Lâm Văn Hoài M, sinh ngày 10-12-2018. Hiện tại, cháu M đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

*** Nay chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú cho ly hôn với anh Lâm Văn Hoài H2,

- Về con chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Văn Hoài M, sinh ngày 10-12-2018 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án kèm theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn anh Lâm Văn H1 H do bà Nguyễn Thị Sà V là mẹ ruột anh H, sống chung nhà với anh H nhận thay và cam kết giao tận tay cho anh H nhưng anh Lâm Văn H1 H vẫn không có văn bản trình bày kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn Hoài H. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lâm Văn Hoài M, sinh ngày 10-12-2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lâm Thị T1 không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Lâm Văn Hoài H. Tuy nhiên, Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lâm Văn Hoài H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Lâm Văn Hoài H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Lâm Văn H1 H tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T và anh H đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10-4-2018, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Phạm Thị T và anh Lâm Văn Hoài H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn H1 H để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh H có một con chung là cháu Lâm Văn Hoài M, sinh ngày 10-12-2018, hiện nay cháu M đang sống chung với chị T. Xét thấy cháu M từ khi sinh ra đến nay thì cháu M sống chung với chị H3 nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành nhằm không làm xáo trộn môi trường sống của cháu M. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Lâm Văn H1 H không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện hợp pháp quyền này.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Lâm Văn Hoài H không phải chịu án phí.

[6]. Đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn Hoài H.

2/ Về con chung: Giao cháu Lâm Văn Hoài M, sinh ngày 10-12-2018 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lâm Văn Hoài H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lâm Văn Hoài H, không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện hợp pháp quyền này.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002674 ngày 27-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú,
tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn